TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2025/DS-PT Ngày: 15-01- 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 657/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số C, đường L, phường E, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trương Thị Kim H, sinh năm 1977 (có mặt); Địa chỉ: P Lô A, chung cư B, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/4/2024 tại Văn phòng C, số công chứng 2819, quyển số 04/2024/TP/CC-SCC/HĐGD).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Hồ Thị Bích L, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, đường A, phường H, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R có đại diện theo ủy quyền là chị Trương Thị Kim H trình bày:*

Ngày 26/10/2022 bà R có ký hợp đồng đặt cọc với anh T để chuyển nhượng phần đất ngang 20m, dài 40m, thửa đất số 383, giá chuyển nhượng 2.200.000 đồng/m^2. Trong ngày 26/10/2023 bà R có giao tiền cọc 300.000.000 đồng cho anh T nhận, thỏa thuận giao anh T làm hồ sơ tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư, bà R chịu chi phí lên thổ cư, khi nào thủ tục giấy tờ xong thì hai bên ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất. Đến ngày 25/4/2023 anh T có điện thoại báo cho bà R là hồ sơ tách thửa đã xong nên phải ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất. Bà R có xin anh T cho thêm thời gian 02 tháng để bà R giao tiền và ra công chứng, nhưng anh T đồng ý cho thời gian 01 tháng. Ngày 25/5/2023 bà R có mang số tiền 1.000.000.000 đồng về gặp anh T tại quán cà phê, để giao tiền cho anh T và đề nghị anh T cho bà R nợ lại số tiền 360.560.000 đồng, hoặc là ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất trừ lại một phần diện tích chuyển nhượng, vì bà R không đủ tiền để giao anh T đúng như hợp đồng đặt cọc, nhưng anh T không đồng ý, nên bà R không có giao số tiền 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 20/7/2023 bà R có điện thoại, nhắn tin và đến nhà anh T để thỏa thuận lại ngày giao tiền và ra công chứng nhưng không gặp anh T, nên đến nay chưa ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Bà R yêu cầu tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng đất đã thỏa thuận theo hợp đồng đặt cọc, yêu cầu anh T và chị L phải giao bà R phần đất chuyển nhượng diện tích 754,8m^2 (Gồm 554,8m^2 đất trồng cây hàng năm thửa 842 và 200m^2 đất thổ cư thửa 841, được tách ra từ thửa đất số 383). Bà R đồng ý trả anh T và chị L tiền chuyển nhượng đất còn lại 1.360.560.000 đồng và tiền lãi của số tiền 360.560.000 đồng tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/6/2023 là 17.000.000 đồng.

Ngoài ra bà R có giao anh T số tiền 69.525.000 đồng để đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư, còn thừa lại 23.000.000 đồng anh T đang giữ. Bà R có cho anh T mượn riêng 7.000.000 đồng. Nên bà R yêu cầu anh T trả 7.000.000 đồng tiền mượn và 23.000.000 đồng chuyển mục đích sử dụng đất, tổng cộng là 30.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T có yêu cầu phản tố và ý kiến trình bày:*

Anh T và bà R có ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng đất như bà R trình bày. Ngày 26/10/2022 anh T có nhận số tiền cọc 300.000.000 đồng, thỏa thuận giao anh T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư 200m^2, bà R chịu chi phí này, khi nào hoàn tất thủ tục tách thửa đất thì hai bên phải ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất. Ngày 25/4/2023 anh T có nhắn tin, điện thoại thông báo cho bà R là thủ tục giấy tờ tách thửa đã xong nên phải ra công chứng. Anh T có đồng ý cho bà R thời gian 01 tháng để giao tiền và ra công chứng. Đến ngày 14/5/2023 anh T có nhắn tin, điện thoại cho bà R để nhắc lại ngày ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất phải trước 25/5/2023, bà R có nhắn tin là đồng ý. Đến ngày 24/5/2023 bà R có về gặp anh T tại quán cà phê và đề nghị anh T cho bà R nợ lại số tiền 400.000.000 đồng, hoặc là giảm bớt diện tích đất chuyển nhượng, vì bà R không đủ tiền giao anh T như thỏa thuận, nhưng anh T không đồng ý. Ngày 25/5/2023 anh T có đến Văn phòng C chờ bà R đến công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất, nhưng bà R không đến. Anh T tiếp

tục nhắn tin, điện thoại cho bà R, nhưng bà R không đến. Từ đó đến nay anh T và bà R không liên lạc, nên chưa ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Hiện nay thửa đất chuyển nhượng là tài sản chung của anh T và chị L đang quản lý sử dụng chung. Anh T thống nhất tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng đất như bà R yêu cầu. Anh T đồng ý nhận số tiền chuyển nhượng đất còn lại 1.360.560.000 đồng. Anh T đồng ý trả bà R số tiền 30.000.000 đồng (Gồm 7.000.000 đồng tiền mượn và 23.000.000 đồng tiền chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư), thực hiện trả tiền vào ngày 23/10/2024. Anh T có yêu cầu phản tố bà R phải bồi thường cho anh T và chị L số tiền 180.000.000 đồng, do bà R giao tiền không đúng thỏa thuận, gây thiệt cho anh T và chị L phải vay Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng, đã trả lãi 180.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Bích L có yêu cầu độc lập và ý kiến trình bày:*

Chị thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Thanh T. Thửa đất chuyển nhượng cho bà R là tài sản chung của anh T và chị L. Anh T và chị L có thỏa thuận giao anh T ký hợp đồng đặt cọc với bà R, đến khi nào chính thức ký hợp đồng chuyển nhượng đất thì chị L ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng đất theo quy định. Chị L thống nhất yêu cầu như anh T. Chị L có yêu cầu bà R phải bồi thường cho chị L và anh T số tiền 180.000.000 đồng tiền lãi vay Ngân hàng do bà R chậm trả tiền chuyển nhượng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Các Điều 328, 500, 463, 400, 357, khoản 2 Điều 468, Điều 288 Bộ luật Dân sự,

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 26/10/2022. Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả tiền chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L là 1.360.560.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L có nghĩa vụ giao bà Nguyễn Thị R phần đất chuyển nhượng có diện tích 554,8m ^{2} đất trồng cây hàng năm, thửa số 842 và 200m ^{2} đất ở nông thôn, thửa số 841, được tách ra từ thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03699 ngày 24/12/2014, tại ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang, *(Kèm bản vẽ đo đạc, chỉnh lý địa chính thửa đất).* Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị R được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R. Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị R số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thanh T và một phần yêu cầu độc lập của chị Hồ Thị Bích L. Buộc bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L số tiền 62.119.900 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị R, anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị R. Bà Nguyễn Thị R được nhận lại số tiền 32.400.000 đồng, biên lai thu số 0013089 ngày 15/12/2023 của Chi cục T1 hảnh án dân sự huyện G.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.894.000 đồng, được trừ số tiền 4.010.000 đồng, biên lai thu số 0013484 ngày 26/6/2024 và số tiền 2.250.000 đồng, biên lai thu số 0013537 ngày 05/8/2024 của Chi cục T1 hảnh án dân sự huyện G. Anh T còn phải nộp số tiền 1.134.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Bích L kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử buộc bà Nguyễn Thị R phải bồi thường thiệt hại cho anh T, chị L theo lãi suất vay mà anh T, chị L đang vay và thiệt hại tại Ngân hàng A hơn một năm qua.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi yêu cầu kháng cáo: yêu cầu bà R trả số tiền lãi đối với số tiền chuyển nhượng đất còn nợ với số tiền lãi theo mức lãi suất là 10% năm tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhận định, đề nghị hướng giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung xét kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Bích L:

[2.1]. Vào ngày 26/10/2022 anh T và bà Nguyễn Thị R ký kết hợp đồng đặt cọc, mục đích là để anh T chuyển nhượng cho bà R một phần đất trồng cây lâu năm 40m dài x 20m ngang thuộc thửa 383 – tờ bản đồ số 12 – diện tích 1001,9m^2 – địa chỉ thửa đất: ấp D, xã P, huyện G; giá chuyển nhượng là 2.200.000đ/m^2, đo bao nhiêu tính bấy nhiêu; bên mua (bên B – bà R) đóng thuế lên thổ cư; bên bán (bên A – ông T) hỗ trợ lên 200m^2 thổ cư cho bên mua tách thửa bao toàn bộ giấy tờ; khi thủ tục xong hai bên ra công chứng chồng tiền đủ; và ông T có nhận của bà R 300.000.000 đồng tiền cọc (bút lục số 03). Phần đất trên là tài sản chung chưa chia khi anh T và chị L khi ly hôn.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận thống nhất: Phần đất chuyển nhượng nêu trong hợp đồng đặt cọc ngày 26/10/2022 được tách từ thửa 383 là thửa 842 diện tích 554,8m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 841 diện tích 200m^2 đất thổ cư; hai bên tự nguyện tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng phần diện tích đất trên và thống nhất số tiền chuyển nhượng đất còn lại bà R trả cho anh T và chị L là 1.360.560.000 đồng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của bà R là có căn cứ.

[2.2]. Anh T và chị L kháng cáo yêu cầu bà R phải bồi thường thiệt hại cho anh T, chị L theo lãi suất vay của số tiền 1.400.000.000 đồng mà anh T, chị L đang vay tại Ngân hàng A từ ngày 25/5/2023. Nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh T đã thực hiện trách nhiệm của mình nêu trong nội dung hợp đồng đặt cọc ngày 23/10/2022 là tách thửa và hỗ trợ bà R chuyển mục đích sử dụng 200m^2 đất thổ cư xong vào ngày 23/3/2023 (bút lục 85). Sau đó, anh T có nhắn tin cho bà R để thống nhất ngày 25/5/2023 tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất tại Văn phòng C1). Bà R thừa nhận ngày 25/5/2023 bà có thống nhất với anh T chị L đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng do không đủ tiền nên xin gia hạn 01 tháng nhưng anh T không đồng ý, điều này cũng phù hợp với lời khai người làm chứng Phạm Thị Phương H1 (bút lục 35, 139), nên có cơ sở để xác định lỗi là do bà R đã không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận, kéo dài thời gian ký kết hợp đồng chuyển nhượng làm thiệt thòi quyền lợi của anh T và chị L nên phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với số tiền chuyển nhượng đất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh T, chị L theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự là 0,83% tháng kể từ ngày

25/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2024, làm tròn là 15 tháng. Số tiền lãi tính như sau: 1.360.560.000đ x 0,83% tháng x 15 tháng = 169.389.700 đồng.

Cấp sơ thẩm nhận định áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tính trên số tiền 1.360.560.000 đồng nhưng lại lấy mức lãi suất tiền gởi tiết kiệm để tính số tiền lãi là 62.119.900đồng là chưa chính xác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, chị L; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thanh T và yêu cầu độc lập của chị Hồ Thị Bích L.

Những quyết khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh T và chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; và được điều chỉnh lại nghĩa vụ án phí sơ thẩm do yêu cầu phản tố của anh T và yêu cầu độc lập của chị L được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 328, 500, 463, 400, 357, khoản 2 Điều 468, Điều 288 Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5, khoản 6 Điều 26, Điều 28, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Bích L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 26/10/2022. Bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả tiền chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L là 1.360.560.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L có nghĩa vụ giao bà Nguyễn Thị R phần đất chuyển nhượng có diện tích 554,8m ^{2} đất trồng cây hàng năm, thửa số 842 và 200m ^{2} đất ở nông thôn, thửa số 841, được tách ra từ thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03699 ngày 24/12/2014, tại ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật *(Kèm bản vẽ đo đạc, chỉnh lý địa chính thửa đất).*

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị R được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R. Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị R số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thanh T và yêu cầu độc lập của chị Hồ Thị Bích L. Buộc bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L số tiền 169.389.700 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị R, anh Nguyễn Thanh T và chị Hồ Thị Bích L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm trả.

4/ Về án phí:

* Án phí sơ thẩm:

- Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị R. Bà Nguyễn Thị R được nhận lại số tiền 32.400.000 đồng, biên lai thu số 0013089 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

- Anh Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

- H2 lại cho anh Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0013537 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

- Hoàn lại cho chị Hồ Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.010.000 đồng theo biên lai thu số 0013484 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

* Án phí phúc thẩm:

H2 lại anh Nguyễn Thanh T số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013559 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

H2 lại chị Hồ Thị Bích L số tiền 300.000 theo biên lai thu số 0013558 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt